

KẾ TOÁN QUẢN TRỊ - TỪ KHÍA CẠNH LỢI ÍCH DOANH NGHIỆP ĐẾN KHÍA CẠNH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Hoàng Tùng*

Ngày nhận: 9/2/2014

Ngày nhận bản sửa: 13/4/2014

Ngày duyệt đăng: 15/6/2014

Tóm tắt:

Kế toán là công cụ cung cấp thông tin, xuất phát từ nhu cầu thông tin trong quản lý của các tổ chức và người sử dụng. Thông tin kế toán đã trở thành một bộ phận quan trọng và tất yếu trong các doanh nghiệp khi thực hiện các chức năng quản lý. Khi vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp ngày càng tăng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia thì tổ chức tốt hệ thống thông tin kế toán càng có ý nghĩa hơn trong các cam kết và sứ mạng của doanh nghiệp nhờ các thông tin đã được thu nhận, xử lý và cung cấp một cách đúng đắn. Bài viết nhằm phân tích nội dung của kế toán quản trị từ khía cạnh lợi ích doanh nghiệp đến khía cạnh trách nhiệm xã hội trên cơ sở nhận diện vai trò của kế toán quản trị trong mối liên kết doanh nghiệp-cộng đồng-xã hội, những vấn đề về cung cấp thông tin quản lý trong bối cảnh mới và những gợi ý cho các doanh nghiệp hoạt động ở Việt Nam khi tổ chức kế toán quản trị.

Từ khóa: Kế toán quản trị, trách nhiệm xã hội, lợi ích doanh nghiệp, kế toán môi trường, thông tin.

1. Đặt vấn đề

Kế toán quản trị với điểm khởi đầu từ nhu cầu thông tin ngày càng cao của doanh nghiệp nhằm đáp ứng mục tiêu trong quản lý là nâng cao hiệu quả và tăng giá trị doanh nghiệp. Nội dung của kế toán quản trị được thiết kế hướng tới việc đo lường và kiểm soát các yếu tố của hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sử dụng thông tin (chủ yếu là thông tin tài chính) cho việc ra quyết định. Sự thay đổi của phương thức sản xuất và quản lý có thể làm thay đổi kỹ thuật và công cụ sử dụng trong kế toán quản trị song về bản chất mục tiêu của kế toán quản trị vẫn là vì lợi ích của doanh nghiệp.

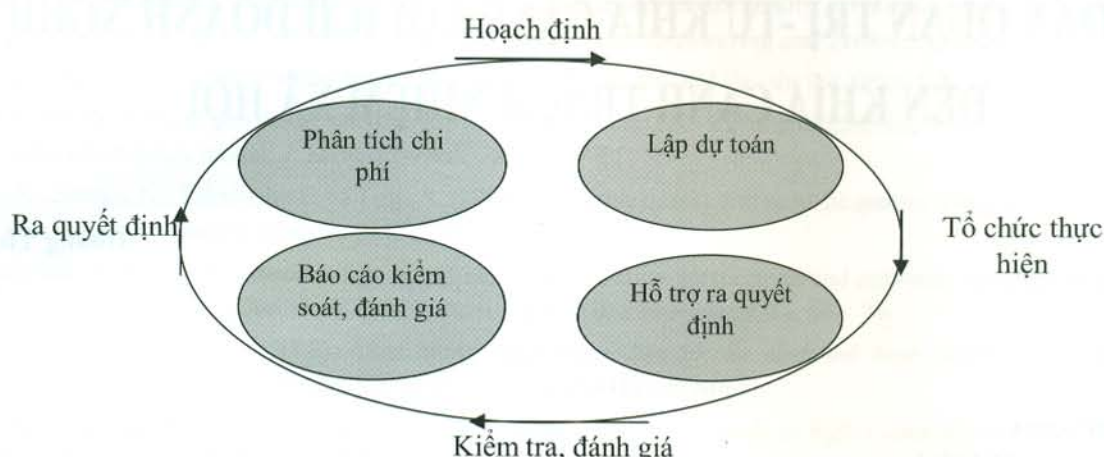
Hơn một thập kỉ trở lại đây, vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được đặt ra trước thách thức biến đổi của khí hậu toàn cầu, vấn đề môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên hữu hạn...

Trong bối cảnh đó, việc mở rộng phạm vi và nội dung của kế toán quản trị trở nên cần thiết, từ việc cung cấp thông tin tài chính đến cung cấp thông tin về việc sử dụng các nguồn lực của xã hội và trách nhiệm với các nguồn lực đó.

2. Kế toán quản trị xét trên khía cạnh lợi ích doanh nghiệp

Kế toán quản trị ban đầu được xem như là một hoạt động đơn thuần mang tính chất kỹ thuật nhằm đạt được các mục tiêu của tổ chức. Khi nhu cầu thông tin ngày càng cao, kế toán quản trị trở thành một công cụ quản lý hữu hiệu, tham gia vào hoạt động quản lý, hỗ trợ cho các nhà quản lý cấp cao trong đơn vị thông qua việc cung cấp thông tin cho mục đích hoạch định và kiểm soát. Ở giai đoạn phát triển cao, kế toán quản trị đã trở thành một bộ phận gắn liền với hoạt động quản lý, các thông tin được

Hình 1: Vai trò của kế toán quản trị trong thực hiện chức năng quản lý



Nguồn: Trương Bá Thanh, 2006

cung cấp tức thời cho người quản lý. Mục tiêu của kế toán quản trị ngày nay là tạo thêm giá trị cho đơn vị thông qua việc sử dụng nguồn lực tốt nhất.

Để phục vụ cho các mục tiêu của nhà quản lý, kế toán quản trị đã phát triển các công cụ và kỹ thuật phù hợp. Theo đó, các công cụ này bao gồm: công cụ nhận diện và phân tích chi phí, sử dụng đồ thị để nhận dạng xu hướng và mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế, các kỹ thuật tính giá theo yêu cầu quản lý, kỹ thuật ra quyết định trong các tình huống khác nhau... Ngoài ra kế toán quản trị còn hỗ trợ cho việc hiểu biết thị trường, công cụ cho kế hoạch chiến lược, công cụ đánh giá kết quả, công cụ quản lý và phát triển tri thức. Như vậy, có thể thấy để đáp ứng yêu cầu quản lý trên khía cạnh lợi ích, hiện nay kế toán quản trị ở các nước tiên tiến đã phát triển vượt xa khỏi hình thái ban đầu là hệ thống dự toán ngân

sách nhằm phục vụ cho việc kiểm soát chi phí. Kế toán quản trị ngày nay đã có những bước tiến rất xa trong những năm cuối thế kỷ 20 để trở thành một bộ phận không thể tách rời của quản trị doanh nghiệp. Kế toán quản trị hiện đại đã chuyển sang một hình thái mới, hình thái phát triển tầm nhìn chiến lược đi kèm với sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Có thể thấy vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện các chức năng của quản lý qua sơ đồ trong hình 1.

Một hệ thống kế toán quản trị hữu hiệu là hệ thống mang lại nhiều thông tin hữu ích nhất cho doanh nghiệp khi thực hiện các chức năng quản lý. Thông tin của kế toán quản trị từ vai trò thông tin chuyên hướng sang vai trò kiểm soát, tham gia vào quá trình quản lý và truyền thông. Khi qui mô hoạt động của doanh nghiệp ngày càng tăng, nhu cầu

Bảng 1: Kế toán quản trị với việc thực hiện các chức năng của quản lý

Chức năng quản trị	Nội dung của kế toán quản trị
Hoạch định	Kế toán quản trị xây dựng các dự toán hoạt động trên cơ sở mục tiêu, dự báo kinh tế và các thông số quản lý. Dự toán vừa là cơ sở để kiểm soát, đánh giá tình hình thực hiện đồng thời cũng là cơ sở để xác định các nguồn lực khi thực hiện mục tiêu.
Tổ chức thực hiện	Cung cấp thông tin để đánh giá và kiểm soát quá trình hoạt động của doanh nghiệp, truyền đạt thông tin để thúc đẩy hoạt động.
Kiểm tra, đánh giá	Trên cơ sở dự toán hoạt động, kế toán quản trị giúp đánh giá việc thực hiện các mục tiêu. Các chênh lệch dự toán sẽ là cơ sở để kiểm tra và đánh giá quản lý.
Ra quyết định	Các quyết định quản lý là kết quả của quá trình sử dụng thông tin quản lý trong đó có kế toán quản trị. Các quyết định về lựa chọn phương án kinh doanh, định giá bán, quyết định đầu tư... đều sử dụng thông tin về chi phí, doanh thu và lợi nhuận mà kế toán quản trị cung cấp.

Nguồn: Tác giả xây dựng

thông tin quản lý càng đa dạng, mục tiêu của doanh nghiệp càng khó thực hiện do sự bất định của môi trường kinh doanh thì thông tin kế toán quản trị phải tạo ra mạng lưới liên kết giữa tất cả các bộ phận bằng việc truyền dẫn các thông tin mang tính báo cáo và chỉ dẫn hoạt động. Có thể nói, kế toán quản trị nếu được tổ chức tốt sẽ góp phần nâng cao hiệu suất quản lý, đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu và hội nhập với các rào cản và thuận lợi của các hiệp định và cam kết quốc tế.

3. Kế toán quản trị hiện đại hướng đến khía cạnh trách nhiệm xã hội

3.1. Vai trò của kế toán trong thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, doanh nghiệp sử dụng tất cả các tài nguyên về nguyên, nhiên vật liệu, tài nguyên tri thức (thông tin và dịch vụ) để hoạt động. Tất cả các tài nguyên này được cung cấp bởi các cá nhân và tổ chức dựa trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi. Vì vậy, để đảm bảo quá trình này diễn ra đều đặn và thoả đáng, các bên liên quan đều cần phải có thông tin được thu thập, xử lý và báo cáo liên tục. Trong đó kế toán là công cụ quan trọng nhất trong việc đưa ra thông tin đúng đắn, đáng tin cậy về việc sử dụng các tài nguyên trong doanh nghiệp. Một hệ thống hạch toán hiệu quả sẽ tăng cường mối quan hệ giữa người cung cấp thông tin và người sử dụng thông tin, tạo ra một môi trường tin cậy và minh bạch trong hoạt động.

Trách nhiệm xã hội (Corporate Social Responsibility - CSR) vẫn còn là một khái niệm mới đối với đa số doanh nghiệp Việt Nam. Đây là một yếu tố khá quan trọng, góp phần vào sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp, đồng thời mang lại lợi ích cho xã hội, nâng cao sức cạnh tranh của quốc gia trên thị trường quốc tế. CSR được lồng ghép vào chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp và trở thành điều kiện để doanh nghiệp phát triển, nâng cao và duy trì lợi thế cạnh tranh.

Những biến chuyển xã hội và sự thay đổi của lý thuyết giá trị trong mấy chục năm trở lại đây đã làm thay đổi nhận thức của các nhà quản trị doanh nghiệp. Họ không chỉ coi trọng lợi ích cá biệt của doanh nghiệp mà còn hướng đến lợi ích của cộng đồng với những cam kết rõ ràng. Các công cụ quản lý càng có vai trò quan trọng trong cung cấp thông tin nhằm hoạch định nguồn lực và kết quả mà doanh nghiệp sẽ tạo ra cho xã hội. Trong tiến trình đó, kế

toán quản trị đã phát triển các nội dung và công cụ mới ngoài những đối tượng nghiên cứu truyền thống.

3.2. Đo lường thành quả của doanh nghiệp chú trọng đến yếu tố khách hàng

“Thẻ điểm cân bằng là phương pháp lập kế hoạch và đo lường hiệu quả công việc nhằm chuyển đổi tầm nhìn và chiến lược chung của tổ chức, doanh nghiệp thành những mục tiêu cụ thể, những phép đo và chỉ tiêu rõ ràng”. (Kaplan & Norton, 1996, tr.9)

Kaplan & Norton (1996) miêu tả tính đột phá của thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard) như sau: Balanced Scorecard giữ lại các chỉ số tài chính truyền thống. Những chỉ số này phản ánh tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong quá khứ, vốn chỉ phù hợp với những doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế công nghiệp, trong đó đầu tư vào năng lực dài hạn và mối quan hệ khách hàng không phải là nhân tố mang lại thành công. Tuy nhiên trong nền kinh tế thông tin, khi doanh nghiệp định hướng tạo ra giá trị tương lai thông qua đầu tư vào khách hàng, nhà cung cấp, nhân viên, quy trình, công nghệ và cải tiến, thì việc chỉ sử dụng chỉ số tài chính là chưa đủ.

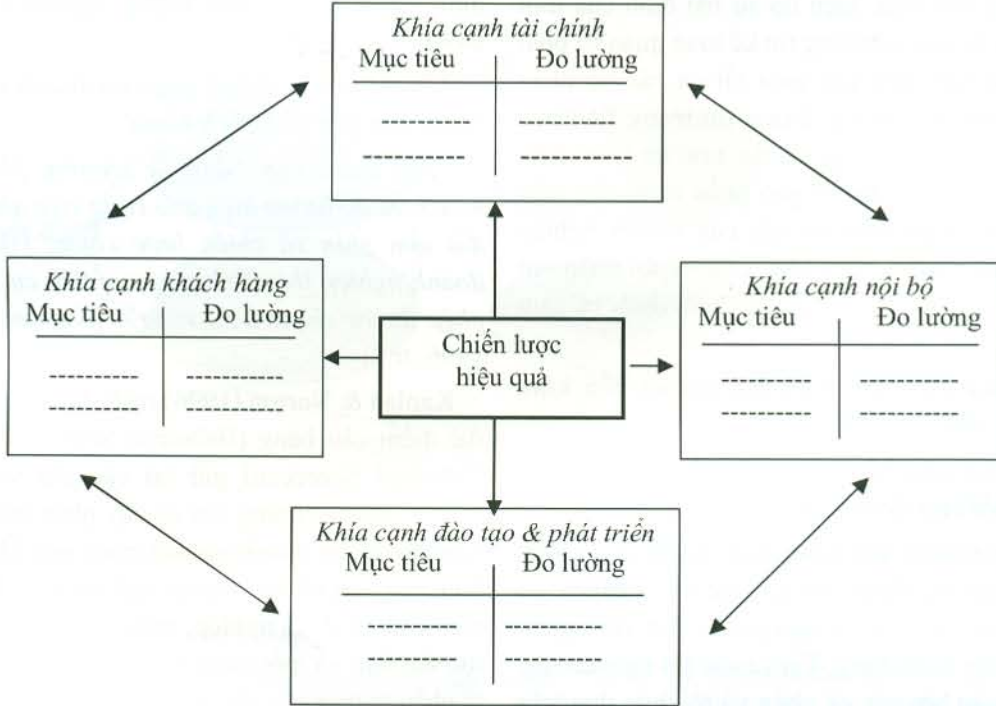
Thẻ điểm cân bằng (BSC) đã giải quyết hiệu quả hạn chế của các thước đo tài chính mang tính ngắn hạn và phản ánh kết quả quá khứ bằng việc bổ sung các thước đo là động lực phát triển doanh nghiệp trong tương lai. Các mục tiêu và thước đo trong Thẻ điểm cân bằng bắt nguồn từ tầm nhìn và chiến lược của tổ chức. Các mục tiêu và thước đo đánh giá hiệu quả của một tổ chức từ 4 phương diện: tài chính, khách hàng, quy trình hoạt động nội bộ, đào tạo và phát triển.

Theo Kaplan & Norton (1996), 4 phương diện của BSC giúp một doanh nghiệp cân bằng giữa:

- (i) Cân bằng giữa mục tiêu ngắn hạn và dài hạn.
- (ii) Cân bằng giữa đánh giá bên ngoài liên quan đến cổ đông, khách hàng và những đánh giá nội bộ liên quan đến quy trình xử lý, đổi mới, đào tạo và phát triển.
- (iii) Cân bằng giữa kết quả mong muốn và các nhân tố thúc đẩy các kết quả này.
- (iv) Cân bằng giữa những đánh giá khách quan và chủ quan.

Trong thẻ điểm cân bằng thì yếu tố tài chính là yếu tố quan trọng vì suy cho cùng thì thước đo tài chính đưa ra một cách nhìn tổng thể về kết quả hoạt

Hình 2: Mô hình chuyển đổi tầm nhìn và chiến lược qua 4 phương diện



(Nguồn: Kaplan & Norton, 1996, tr.54)

động của một tổ chức và kết nối trực tiếp với mục tiêu dài hạn của tổ chức (Kaplan & Atkinson, 1998). Tuy nhiên trên khía cạnh trách nhiệm xã hội thì khi thiết kế thể điểm cân bằng để đo lường thành quả các doanh nghiệp cũng nên đặt trọng tâm vào yếu tố khách hàng. Phương diện khách hàng thường xây dựng các mục tiêu được chuyển thể từ chiến lược và đưa ra các giải pháp để triển khai thực hiện. Mục tiêu cốt lõi bao gồm sự hài lòng của khách hàng, giữ chân khách hàng, lôi kéo khách hàng mới, lợi nhuận từ khách hàng, tỷ trọng khách hàng mục tiêu (Kaplan & Atkinson, 1998). Khách hàng quyết định đến sự tồn tại của mọi tổ chức. Đối với các tổ chức hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận thì khách hàng là yếu tố cơ bản để đạt được mục tiêu tài chính. Nếu khách hàng không hài lòng, họ sẽ tìm những nhà cung cấp khác có khả năng đáp ứng nhu cầu. Việc hoạt động kém trong phương diện khách hàng là dấu hiệu kinh doanh sẽ xuất hiện nhiều bất ổn trong tương lai dù bức tranh tài chính hiện tại trông có vẻ hứa hẹn. Khi xây dựng chỉ số hài lòng của khách hàng, nên phân loại khách hàng theo nhóm và quy trình phục vụ cho từng nhóm đối tượng này.

Các mục tiêu trong phương diện khách hàng tập trung vào đo lường hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên phân khúc thị trường mục tiêu và đo lường giá trị cung cấp cho khách hàng. Đây là các

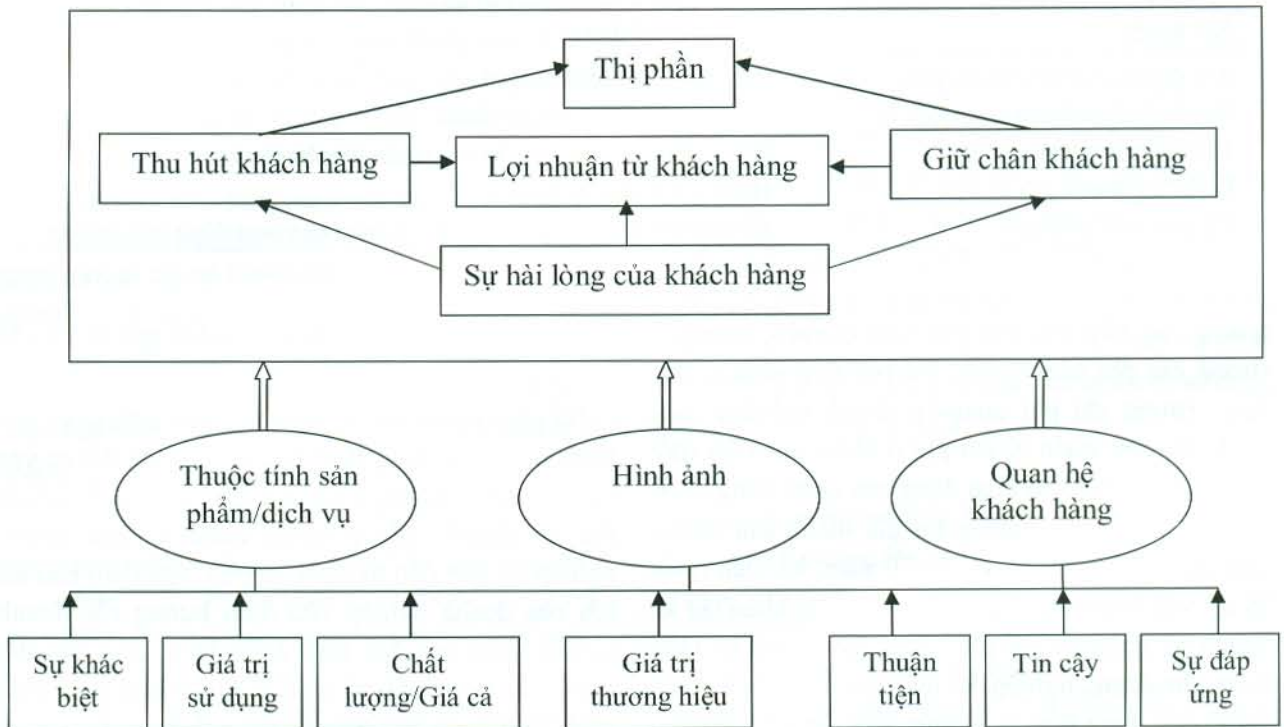
yếu tố quan trọng góp phần vào kết quả tài chính vượt trội của một doanh nghiệp.

3.3. Kế toán quản trị môi trường

Cùng với việc môi trường ngày càng suy thoái và các hậu quả kèm theo, một trong những vấn đề quan trọng hiện nay đối với các doanh nghiệp là phải cung cấp cho các bên liên quan các thông tin về môi trường của doanh nghiệp. Vì thế hệ thống kế toán trong doanh nghiệp cũng phải điều chỉnh và thay đổi để đáp ứng yêu cầu này. Việc tích hợp thông tin môi trường bằng ngôn ngữ kế toán nhằm giải quyết các vấn đề môi trường là một hướng thực tế và cũng được sử dụng như công cụ giao tiếp giữa các bên liên quan, trong và ngoài doanh nghiệp, trong đó tất cả các bên đều qua tâm đến những tác động tài chính và vật chất của doanh nghiệp đối với môi trường xung quanh. Kế toán thông qua việc thu thập, xử lý và cung cấp các thông tin có liên quan đến môi trường của doanh nghiệp một cách chính xác có thể giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định sản xuất kinh doanh phù hợp hơn, thân thiện hơn với môi trường, giúp tiết kiệm chi phí xã hội, cải thiện và giảm rủi ro môi trường.

Kế toán quản trị môi trường có mục tiêu đầu tiên và cơ bản nhất là cung cấp thông tin cho việc ra quyết định quản trị nội bộ trên 2 khía cạnh hiệu quả môi trường và hiệu quả tài chính. Nó là sự phát triển

Hình 3: Các mục tiêu trong phương diện khách hàng: Mối liên hệ giữa gián đồ giá trị và các mục tiêu đo lường cốt lõi



(Nguồn: Kaplan & Norton, 1996, tr.62)

tiếp theo của kế toán quản trị (Birkin, 1996, tr.34). Ủy ban về phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (UNSD, 2001) cho rằng: “Mục đích tổng quát của thông tin kế toán quản trị môi trường là sử dụng cho các tính toán nội bộ của tổ chức và cho việc ra quyết định. Quá trình xử lý thông tin của kế toán quản trị môi trường bao gồm cả các tính toán vật chất như lượng vật liệu, năng lượng tiêu hao, dòng luân chuyển vật tư và lượng vật chất bị loại bỏ, và các tính toán tài chính có tính chất tiền tệ đối với chi phí (chi phí bỏ thêm và chi phí tiết kiệm được), doanh thu và thu nhập có liên quan đến các hoạt động có khả năng ảnh hưởng, tác động tới môi trường” (UNSD, 2001, tr.1).

Liên đoàn kế toán quốc tế (IFAC) định nghĩa kế toán quản trị môi trường: “...là quá trình quản lý hiệu quả kinh tế và hiệu quả môi trường thông qua sự phát triển và ứng dụng hệ thống kế toán phù hợp với các vấn đề môi trường. Kế toán quản trị môi trường liên quan đến chi phí theo chu kỳ sống, kế toán chi phí toàn bộ, đánh giá lợi ích và hiệu quả, lập kế hoạch chiến lược cho quản lý môi trường” (IFAC, 2005, tr.1).

Từ hai định nghĩa trên có thể thấy sự phát triển của kế toán quản trị môi trường là sự phát triển của mối liên hệ giữa các yếu tố môi trường và quản lý

môi trường. Kế toán quản trị sẽ cung cấp các thông tin về môi trường và chúng được sử dụng để trợ giúp quá trình ra quyết định liên quan đến đánh giá dự án đầu tư, dự toán vốn và xây dựng chiến lược.

Tuy nhiên, kế toán quản trị nói chung là một công cụ linh hoạt nên mục đích và phạm vi áp dụng của kế toán quản trị môi trường có thể khác nhau giữa các doanh nghiệp, song về bản chất, kế toán quản trị môi trường là công cụ kiểm soát và truyền thông, đảm bảo việc thực hiện các vấn đề môi trường có liên quan đến hoạt động sản xuất được giải quyết tốt nhất.

4. Một số gợi ý cho các doanh nghiệp ở Việt Nam

Cùng với xu thế tiến hóa chung, kế toán quản trị vào Việt Nam ban đầu với hình thái hệ thống lập kế hoạch (dự toán ngân sách) và quản trị chi phí. Phương pháp lập kế hoạch đã bắt đầu sơ khai từ sau những năm 1985, tuy nhiên bước đầu còn đơn giản và thiếu chính xác. Hệ thống quản trị và kiểm soát chi phí cũng được hình thành theo nhu cầu quản trị của doanh nghiệp, theo cùng với hệ thống lập kế hoạch (dự toán). Tuy nhiên, việc kiểm soát chi phí chỉ dừng lại ở một vài khoản mục chi phí phát sinh tương đối lớn và chiếm tỉ trọng cao như: chi phí

Bảng 2: Sự chuyển hóa của kế toán quản trị từ khía cạnh lợi ích doanh nghiệp đến trách nhiệm xã hội

Nội dung	Kỹ thuật sử dụng
Xác định và kiểm soát chi phí	Dự toán và kế toán chi phí
Hoạch định và kiểm soát quản lý	Dự báo và kế toán trách nhiệm
Tái cấu trúc doanh nghiệp	Phân tích quy trình quản lý và tái cấu trúc hệ thống
Đo lường thành quả	Đánh giá 4 khía cạnh (BSC)
Kế toán môi trường	Kế toán chi phí, lợi ích và đánh giá hiệu quả hoạt động môi trường

Nguồn: Tác giả tự xây dựng

quảng cáo tiếp thị, chi phí vận chuyển, lương... (trong chi phí bán hàng); chi phí tiếp khách, đào tạo,...(trong chi phí quản lý doanh nghiệp). Bên cạnh đó, việc quản lý chi phí ở khâu sản xuất (đối với doanh nghiệp có hoạt động sản xuất) cũng được tổ chức chặt chẽ nhằm giảm giá thành sản phẩm. Qua quá trình phát triển gần 30 năm, kế toán quản trị tại Việt Nam hiện vẫn chỉ dừng lại ở khâu lập kế hoạch và quản trị chi phí, chưa tạo ra giá trị tăng thêm cho doanh nghiệp. Kế toán quản trị vẫn bị hiểu sai từ nội dung đến cách thức xây dựng khiến cho

nhiều doanh nghiệp còn lúng túng khi nghiên cứu để áp dụng.

Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế và quá trình hội nhập đang diễn ra sâu rộng đã đặt ra yêu cầu cho quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), vừa đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp vừa định hướng các doanh nghiệp theo quỹ đạo phát triển bền vững của đất nước. Kế toán quản trị phải là sự kết hợp giữa khía cạnh lợi ích của bản thân doanh nghiệp và khía cạnh

Bảng 3: Định hướng tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp ở Việt Nam

Nội dung	Mục tiêu	Phương pháp/kỹ thuật
Nhận diện chi phí	Xác định bản chất của từng loại chi phí theo yêu cầu quản lý	Phân loại chi phí theo các cách khác nhau, chú trọng vào phân tích hành vi của chi phí (theo chức năng và theo cách ứng xử)
Tính giá	Xác định giá phí của từng loại sản phẩm	Vận dụng các phương pháp tính giá khác nhau, kể cả kỹ thuật ước tính chi phí.
Dự toán	Xác định các chỉ tiêu hoạt động dự kiến	Phân tích dự báo và các kỹ thuật dự toán
Phân tích CVP	Xác định bản chất của quan hệ Chi phí-Sản lượng-Lợi nhuận	Sử dụng các phương pháp số dư đảm phí, đòn bẩy hoạt động, phân tích độ nhạy của lợi nhuận theo doanh thu và chi phí.
Phân tích và kiểm soát	Xác định chênh lệch giữa các chỉ tiêu thực hiện và dự toán, kiểm soát chênh lệch và tìm nguyên nhân gây ra chênh lệch	Phương pháp so sánh, loại trừ, phân tích theo qui mô chung.
Thông tin phục vụ ra quyết định	Cung cấp thông tin trong các quyết định ngắn hạn (lựa chọn phương án, định giá bán...), quyết định dài hạn (đầu tư, tài trợ vốn...)	Phân tích khác biệt, các kỹ thuật phân tích đầu tư thông qua các chỉ tiêu NPV, IRR...
Xây dựng thẻ điểm cân bằng (BSC)	Đo lường thành quả theo 4 yếu tố, trong đó đặt trọng tâm trên khía cạnh khách hàng	Xây dựng các chỉ tiêu đo lường thành quả theo 4 yếu tố. Đối với khách hàng đo lường sự thoả mãn và những lợi ích về sức khoẻ và kinh tế.
Kế toán quản trị môi trường	Đánh giá hiệu quả việc thực hiện vấn đề liên quan đến môi trường trong hoạt động của doanh nghiệp	Đo lường chi phí môi trường và hiệu quả trên cơ sở phân tích chi phí/lợi ích tổng thể.

Nguồn: tác giả tự xây dựng

trách nhiệm xã hội trên cơ sở đo lường và đánh giá hoạt động của doanh nghiệp đối với những vấn đề liên quan đến lợi ích tổng thể của xã hội. Vì vậy ngoài những nội dung mang tính thông tin và kiểm soát, cần thiết kế hệ thống kế toán quản trị hướng đến việc tính toán, đo lường và đánh giá các yếu tố về tài nguyên và môi trường.

Ngoài các nội dung trên, kế toán quản trị trên khía cạnh trách nhiệm xã hội còn phải hướng đến lợi ích của người lao động (đo lường thành quả của người lao động và tính toán thù lao hợp lý trên cơ sở mặt bằng chung của xã hội), kế toán nguồn lực tri thức (những tài sản vô hình tạo ra giá trị, sử dụng tri thức của người lao động để tạo ra lợi ích chung của

toàn xã hội), kế toán các nguồn tài nguyên hữu hạn khác (tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản...). Đây là những vấn đề mới nhưng rất quan trọng khi các doanh nghiệp hoạt động vì mục tiêu cộng đồng, đảm bảo sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Tùy theo qui mô, đặc điểm quản lý và nhu cầu thông tin mà các doanh nghiệp có thể lựa chọn để áp dụng các nội dung trên. Việc xây dựng hệ thống nguồn lực tổng thể (ERP) cũng đặt ra sự kết nối thông tin giữa các hệ thống tin quản lý. Khi hệ thống ERP được vận hành thì khả năng thu nhận và xử lý thông tin đáp ứng các yêu cầu của quản lý sẽ được thực hiện dễ dàng hơn. □

Tài liệu tham khảo

- Birkin, F (1996), 'Environmental Management Accounting', *Management Accounting*, Vol. 74, No.2, p. 54-7.
- IFAC [International Federation of Accountants] (2005), *International Guidance Document: Environmental Management Accounting*, New York, truy cập ngày 9/2/2014, tại <https://www.ifac.org/sites/default/files/publications/files/international-guidance-docu-2.pdf>
- Kaplan, R. S., & Atkinson, A.S. (1998), *Advanced Management Accounting*, Prentice Hall.
- Kaplan, R. S., & Norton, D.P. (1996), 'Linking the Balanced Scorecard to Strategy', *California Management Review*, Vol 39, No1, p 53-79.
- Trương Bá Thanh (2006), *Kế toán quản trị*, NXB Tài chính
- UNSD [United Nations Division for Sustainable Development] (2001), *Environmental Management Accounting: Procedures and Principles*, truy cập ngày 8/2/2014, tại <http://www.un.org/esa/sustdev/publications/procedure-sandprinciples.pdf>

Management accounting from company's interest perspective to social responsibility perspective

Abstract:

Accountancy is a tool to communicate information, deriving from the information needs of the institutional and individual users. Accounting information has become an important and essential part in the companies when performing management functions. As the company's roles and responsibilities have been increasing in the process of socio-economic development of each country, the well-organized accounting information system becomes more meaningful in the company's commitments and missions because this information has been identified, recorded and communicated precisely. This paper analyses the transformation in the content of management accounting from the company's interest perspective to social responsibility perspective based on the recognition of the role of management accounting in the linkages of company – community – society. This paper also presents the issues of managerial information supply in a new context and provides implications regarding management accounting organization for companies in Vietnam.

Thông tin tác giả:

***Hoàng Tùng**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế-Đại học Đà Nẵng

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: kế toán, tài chính và ứng dụng các lý thuyết tài chính trong quản trị doanh nghiệp

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và phát triển, Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng, Tạp chí khoa học và đào tạo ngân hàng, Tạp chí Kế toán và kiểm toán, Tạp chí Thương mại.*

Thông tin liên lạc: Email: hoangtungkt@gmail.com